

Số: 164/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Mục I - Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm thuộc Chương 98

1. Bổ sung khoản b.8 vào điểm 3 - Cách thức phân loại, điều kiện để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng ghi tại Chương 98, quyết toán nhập khẩu và sử dụng thuộc Mục I - Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng tại Chương 98 quy định tại Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

“b.8. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 98.34:

b.8.1) Điều kiện áp dụng:

- Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 thuộc nhóm 98.34.

- Do các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm nhập khẩu.

b.8.2) Thủ tục nhập khẩu:

b.8.2.1 - Trách nhiệm của người khai hải quan:

Người khai hải quan phải đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 (Danh mục) với Chi cục hải quan nơi thuận tiện nhất với số lượng nhập khẩu hàng năm phù hợp với quy mô công suất/nhu cầu sử dụng để sản xuất, lắp ráp hàng năm của nhà máy trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên. Hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục gồm:

- Xác nhận của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với Danh mục hàng hóa;
- Công văn đề nghị cấp danh mục;
- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi.

Công văn đề nghị cấp danh mục, Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó thay từ “miễn thuế” thành “để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm”.

Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng cần sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan được sửa đổi, bổ sung với điều kiện phải có giấy tờ, tài liệu nộp cho cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục trước thời điểm nhập khẩu hàng hóa lần đầu hoặc trước thời điểm nhập khẩu cho lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục để chứng minh việc sửa đổi, bổ sung là phù hợp. Hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục sửa đổi, bổ sung gồm:

- Công văn đề nghị cấp Danh mục sửa đổi, bổ sung;
- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi sửa đổi, bổ sung.

Trường hợp mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan có hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan nơi cấp Danh mục lần đầu đề nghị cấp lại, bao gồm:

- Công văn đề nghị cấp lại Danh mục, Phiếu theo dõi trừ lùi trong đó nêu rõ: lý do mất Danh mục, Phiếu theo dõi trừ lùi và cam kết của người khai hải quan về tính chính xác của nội dung khai báo;

- Bảng kê toàn bộ tờ khai hải quan (điện tử hoặc giấy) của số lượng hàng hóa đã nhập khẩu theo danh mục;

- Bản Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi của cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng cuối cùng trước khi thất lạc (01 bản chụp có xác nhận của cơ quan hải quan nơi nhập khẩu).

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan các hồ sơ sau:

- Hồ sơ hải quan theo quy định hiện hành;
- Danh mục hàng hóa và Phiếu theo dõi trừ lùi đã đăng ký với cơ quan hải quan (bản giao người khai hải quan) để cơ quan hải quan làm thủ tục thực hiện trừ lùi hàng hóa nhập khẩu.

Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người khai hải quan nộp báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 trong năm tài chính cho cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời gửi một bản báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông lưu theo dõi.

b.8.2.2 - Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

b.8.2.2.1 - Khi tiếp nhận Danh mục:

- Ngay sau khi người khai hải quan nộp hồ sơ, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục có trách nhiệm kiểm tra, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa nhập khẩu và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (lưu 01 bản chính Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa thực hiện trừ lùi hàng hóa thực tế nhập khẩu và tính thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và điểm b.8.2.2.2 khoản 1 Điều 1 Thông tư này).

- Trường hợp người khai hải quan cần sửa đổi, bổ sung Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi thì Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục có trách nhiệm kiểm tra, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa nhập khẩu cần sửa đổi, bổ sung và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi cần sửa đổi, bổ sung (lưu 01 bản chính Danh mục, giao người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa để thực hiện trừ lùi hàng hóa thực tế nhập khẩu và tính thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và điểm b.8.2.2.2 khoản 1 Điều 1 Thông tư này).

- Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi: trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan và xác nhận của các Cục Hải quan địa phương khác, cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục kiểm tra cụ thể và cấp lại Danh mục hàng hóa, Phiếu theo dõi trừ lùi các nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 chưa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời hạn giải quyết của cơ quan hải quan đối với các trường hợp đăng ký Danh mục, sửa đổi, bổ sung Danh mục; cấp lại Danh mục thực hiện theo quy định tại Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b.8.2.2.2 - Khi làm thủ tục nhập khẩu:

Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, đối chiếu với phiếu theo dõi trừ lùi để trừ lùi các nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm thuộc các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 mà người khai hải quan đã thực tế nhập khẩu và ký xác nhận theo quy định. Lưu 01 bản chụp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

Hết lượng hàng hóa nhập khẩu ghi trong phiếu theo dõi trừ lùi, Lãnh đạo Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận “đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số ...” lên bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan và lưu 01 bản chụp, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp và gửi bản chính đến Chi cục hải quan nơi cấp phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

Trường hợp Chi cục Hải quan tiếp nhận đăng ký danh mục đồng thời là Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa thì sau khi Lãnh đạo Chi cục đã xác nhận hết lượng hàng hóa nhập khẩu trong phiếu theo dõi trừ lùi, Chi cục lưu bản chính, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp, chuyển 01 bản chụp phiếu theo dõi trừ lùi kèm hồ sơ đăng ký danh mục để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

b.8.2.2.3 - Sau khi nhận được bản chính phiếu theo dõi trừ lùi do Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng gửi đến, Chi cục Hải quan nơi đăng ký Danh mục và cấp phiếu theo dõi trừ lùi tập hợp toàn bộ hồ sơ đăng ký danh mục chuyển cho Chi cục kiểm tra sau thông quan để làm cơ sở kiểm tra sau thông quan theo đúng quy định về quản lý rủi ro về việc sử dụng hàng hóa nhập khẩu đã được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng theo mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ.

2. Trường hợp sử dụng sai mục đích thì các mặt hàng thuộc các mã hàng 9834.12.90, từ 9834.28.00 đến 9834.37.00 phải tính thuế nhập khẩu theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho các mã hàng tương ứng tại 97 Chương tại thời điểm đăng ký Tờ khai hàng hóa nhập khẩu với cơ quan Hải quan.

Điều 2. Bổ sung Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98

Bổ sung tên một số mặt hàng là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm vào nhóm 9834 tại Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98 như sau:

Mã hàng			Mô tả hàng hoá	Mã hàng tương ứng tại mục I phụ lục II			Thuế suất (%)
9834			Vật tư, linh kiện sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin				
9834	11	00	- Bàn phím làm bằng cao su, khắc lase, phủ PU, nhiệt độ chịu đựng 150 độ C	4016	99	99	0
9834	12		- Các sản phẩm khác bằng sắt hoặc thép:				
9834	12	10	- - Ốc vít bằng thép, INOX 304, ren tiêu chuẩn 1, mạ chống rỉ, đường kính dưới 1.4 mm	7318	15	00	0
9834	12	90	- - Nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm	7326	90	99	0
9834	13	00	Thiếc hàn dạng thanh, không chì, phù hợp với tiêu chuẩn RoHS	8003	00	10	0
9834	14	00	Thiếc hàn dạng dây, không chì, có lõi bằng chất dễ chảy, đường kính nhỏ hơn hoặc bằng 1.2mm, phù hợp với tiêu chuẩn RoHS	8311	90	00	0
9834	15	00	Mô tơ rung cho điện thoại, đường kính ≤30mm, công suất ≤0.5W	8501	10	49	0
9834	16	00	Mô tơ, công suất không quá 5W	8501	10	29	0
9834	17	00	Cuộn biến áp dùng cho các thiết bị điện tử, viển thông, công suất danh định nhỏ hơn 0,1kVA	8504	31	99	0
9834	18	00	Pin lithium dày ≤7mm, dài ≤100mm, rộng ≤100mm	8506	50	00	0
9834	19	00	Màn hiển thị tinh thể có kích thước < 5 inch	8517	70	32	0
9834	20	00	Đầu kết nối USB mini, sử dụng cho nạp pin và truyền dữ liệu từ điện thoại đến máy tính PC	8536	90	93	0
9834	21	00	Cầu chì dùng cho các thiết bị điện tử, có giới hạn dòng danh định không quá 1,5A	8536	10	12	0
				8536	10	92	
9834	22	00	Rơ le bán dẫn/Rơle điện tử có điện áp không quá 28V	8536	41	90	0
9834	23	00	Đầu cắm tín hiệu hình, tiếng, đầu cắm đèn chân không dùng cho máy thu hình, có dòng điện nhỏ hơn hoặc bằng 1,5A	8536	69	22	0
9834	24	00	Giắc cắm, đầu nối công nối USB, giắc mạng để nối dây dẫn tín hiệu	8536	90	99	0

Mã hàng			Mô tả hàng hoá	Mã hàng tương ứng tại mục I phụ lục II			Thuế suất (%)
9834	25	00	Dây nguồn điện bọc nhựa có đầu nối, có đường kính lõi nhỏ hơn hoặc bằng 5mm	8544	42	91	0
9834	26	00	Cáp nối truyền dữ liệu dạng dẹt từ 2 sợi trở lên	8544	42	99	0
9834	27	00	Cáp dùng cho máy thông tin	8544	49	29	0
9834	28	00	<i>Biến áp nguồn, biến áp tín hiệu, biến áp cao áp để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm</i>	8504	34	29	0
9834	29	00	<i>Pin và bộ pin bằng liti để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm</i>	8506	50	00	0
9834	30	00	<i>Nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm CNTT trọng điểm</i>	8536	69	99	0
9834	31	00	<i>Bàn điều khiển camera</i>	8537	10	19	0
9834	32	00	<i>Cáp nguồn đã gắn đầu nối cho mạch điện từ 220v, bọc plastic</i>	8544	42	92	0
9834	33	00	<i>Bộ phận khác, trừ bộ phận của bộ điều khiển, bộ thích ứng, thiết bị truyền dẫn, tấm mạch in, ăng ten</i>	8517	70	92	0
9834	34	00	<i>Micro</i>	8518	10	90	0
9834	35	00	<i>Tai nghe có hoặc không nối với một bộ micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa</i>	8518	30	20	0
9834	36	00	<i>Bộ micro, loa kết hợp trừ của điện thoại di động hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác</i>	8518	30	59	0
9834	37	00	<i>Đèn Flash</i>	9006	69	00	0

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2015.

2. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3 Thông tư số 101/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015 bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Đối với các trường hợp đã đăng ký danh mục nguyên liệu, vật tư và bộ

phận phụ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm theo Thông tư số 101/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015 nhưng sửa đổi, bổ sung, cấp lại danh mục và báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCĐ TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P_{XNK}).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai